

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 14 /TB-HĐQT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Mã chứng khoán: CLH

Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0208 3829154 Fax: 0208 3829056

Địa chỉ Website: ximanglahien.com.vn

Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường Yêu cầu Khác

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Báo cáo thường niên năm 2022.

(Có báo cáo chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu HĐQT;VT.

Ngày 15 tháng 03 năm 2023

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC**



Trần Quang Khải

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Tel: 02083 829156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: Năm 2022

Lưu: Phòng KTTKTC

Thái Nguyên, tháng 3/2023

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Thông tin khái quát	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	7
4. Định hướng phát triển	10
5. Các rủi ro	15
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022	20
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
2. Tổ chức và nhân sự	23
4. Tình hình tài chính	28
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	30
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	31
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	37
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	37
2. Tình hình tài chính	42
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	46
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	46
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	48
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của cty	48
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	50
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	50
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	51
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	51
V. Quản trị công ty	55
1. Hội đồng quản trị	55
2. Ban Kiểm soát	63
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	70

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600422240
- Vốn điều lệ: **120.000.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.579.111.593
- Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083.829.156
- Số fax: 02083.829.056
- Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CLH
- Quá trình hình thành và phát triển (*ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay*).

* **Việc thành lập:**

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LD ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên VVMI.

- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008.

- Ngày 16 tháng 06 năm 2010 bàn giao dự án “Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên” đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư được quyết toán là: 626.755 triệu đồng.

- Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế

hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

*** Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Ngày 22 tháng 04 năm 2016 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 252/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CLH.

- Ngày 07/06/2016 mã chứng khoán CLH chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên sàn HNX.



*** Giới thiệu về công ty:**

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tên viết tắt: **LHC**

Tên tiếng Anh: **VVMI LA HIÊN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**

Biểu tượng của công ty:



Trụ sở chính của công ty: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai
- Tỉnh Thái Nguyên.

*** Phương châm hoạt động:**

+ Luôn cam kết phấn đấu, tìm hiểu kỹ khách hàng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của mình cung ứng ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

+ Thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên để mọi người cùng hiểu rằng:

“CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUYẾT ĐỊNH SỰ HƯNG THỊNH CỦA CÔNG TY”

+ Luôn tổ chức việc giáo dục và đào tạo cho mọi cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao trình độ, năng lực và chuyên môn nghiệp vụ của mình.

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2015 một cách có hiệu quả trên cơ sở tham gia của tất cả mọi người.

- Các sự kiện khác trong năm 2022.

+ Ngày 07/02/2022 Công ty tổ chức buổi lễ ra quân bán hàng đầu xuân trong không khí sôi nổi, khởi sắc cho hoạt động kinh doanh của năm tiếp theo



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



+ Ngày 12/04/2022 Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bồng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



+ Hàng năm Công ty đều tổ chức Hội nghị tri ân khách hàng nhằm gìn giữ và tạo sự gắn kết giữa Công ty với các bạn hàng.



MẪU PHỤ LỤC SỐ 04 (BAN HÀNH KÈM THÔNG TƯ SỐ 96/2020/TT-BTC NGÀY 16/11/2020 CỦA BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN)

+ Ngày 22 tháng 12 năm 2022 Công ty tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD, an toàn vệ sinh lao động năm 2022 và mở Hội nghị người lao động năm 2023. Tại Hội nghị này Công ty đã vinh dự nhận được sự chúc mừng của lãnh đạo Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và các đơn vị trên địa bàn về việc hoàn thành kế hoạch SXKD



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh: (Nếu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, clinker;
- Khai thác đá vôi, đất sét;

2.2. Địa bàn kinh doanh: (Nếu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

- Trong năm Công ty bán hàng cho ~ 300 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh...vv và các đơn vị trong Tập đoàn Công

nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

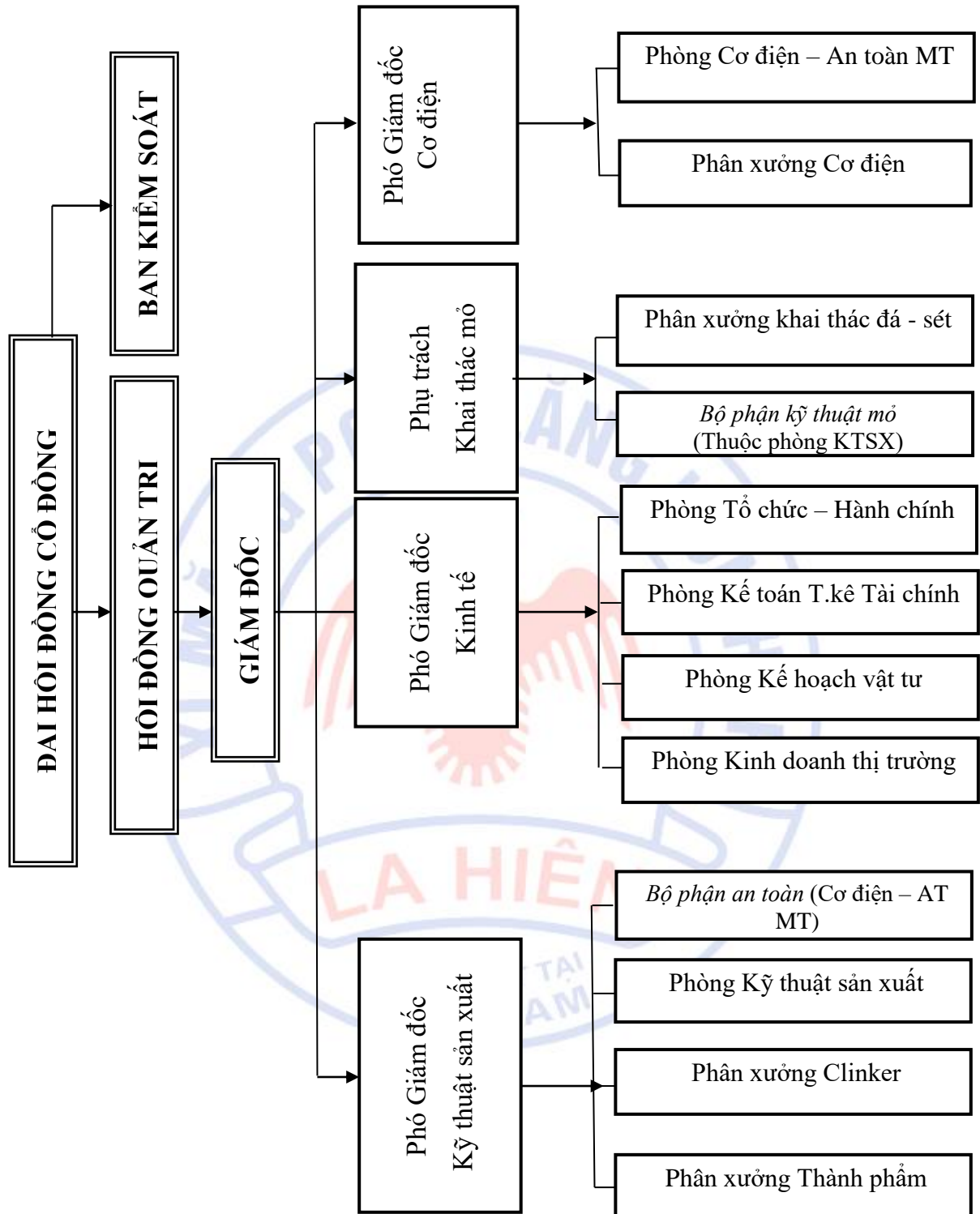
3.1. Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và 03 phó Giám đốc phụ trách các phân hành công việc.

- Công ty không có văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước.

- Công ty tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở; bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty trên nguyên tắc tập trung dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Giám đốc và các Phó giám đốc khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/22



*** Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần để thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) của Công ty.

*** Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

*** Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước các cổ đông, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

*** Bộ máy điều hành:**

Đứng đầu bộ máy điều hành là ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc phụ trách từng lĩnh vực.

Hiện nay theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu sắp xếp thu gọn giảm các đầu mối quản lý, Công ty duy trì 06 phòng và 04 phân xưởng. Các phòng ban, phân xưởng đều có mối quan hệ gắn kết với nhau nhằm hỗ trợ trong việc thực hiện các công việc để hoạt động SXKD của Công ty luôn được thông suốt.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết)

Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

Với mục tiêu tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty; xây dựng Công ty trở thành một tập thể vững mạnh, có uy tín thương hiệu tại các vùng thị trường; tạo lập một văn hóa doanh nghiệp có bản sắc riêng; xây dựng một hình mẫu về phát triển theo chiều sâu trong đầu tư, sản xuất và thương mại, Công ty đã đề ra những mục tiêu, chiến lược nhằm giúp xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tiếp tục duy trì và phát huy các mục tiêu đã đề ra:

- Sản xuất kinh doanh theo tiêu chí: **An toàn – Năng suất – Chất lượng – Hiệu quả**

- Phát huy cao tinh thần **Kỷ luật – đồng tâm**
- Hòa hòa lợi ích của các Cổ đông và Người lao động
- Khách hàng là số 1
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;
- Sản xuất xi măng thân thiện với môi trường, trách nhiệm trong cộng đồng xã hội;
- Tiếp tục đầu tư theo hướng mở rộng, cải tiến công nghệ, tăng năng suất;
- Ứng dụng cuộc cách mạng công nghệ 4.0 sâu rộng nhất;
- Sử dụng các loại chất thải làm nguồn nguyên liệu;
- Thực hiện tốt chế độ chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

*** Chiến lược về sản phẩm và thị trường:**

Sản phẩm và thị trường của Công ty đặc biệt quan trọng, nó quyết định sự tồn tại, phát triển của Công ty. Do đó việc nghiên cứu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng nhằm giữ vững củng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới là nhiệm vụ hàng đầu. Đề hoạt động này đáp ứng được các yêu cầu Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định

đà phát triển, giữ vững và xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu uy tín trên thị trường.

- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.

- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra các chính sách phù hợp.

*** Chiến lược đầu tư công nghệ:**

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giám định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực.

- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới.

- Nghiên cứu phương án cải tạo, thay thế thiết bị trong dây chuyền để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đảm bảo đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

*** Chiến lược tài chính:**

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác khoán quản chi phí trong các công đoạn.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty.

- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

*** Chiến lược nhân sự:**

- Tiếp tục cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm

lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ bổ sung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính.

- Tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn tốt để đào tạo kế cận, thay thế. Có chính sách đãi ngộ tốt đối với lao động chất lượng và có tâm huyết xây dựng sự phát triển của Công ty.

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty. Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ tốt trong các phòng ban Công ty.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi. Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu.

- Tăng cường đổi mới trong cách thức Quản trị doanh nghiệp; lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chí hàng đầu trong chiến lược kinh doanh.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

*** Đối với môi trường:**

- Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tác động môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục những ảnh hưởng xấu.

- Lắp đặt hệ thống lọc bụi tại các vị trí sản xuất cần thiết, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khí, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý các chất thải rắn phát sinh đúng các quy định trong Quy trình xử lý chất thải.

- Kiểm tra, đánh giá tác động của dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, đá, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Tổ chức các phong trào xanh, sạch, đẹp, làm vệ sinh, trồng bổ sung cây xanh quanh nhà máy và các khu đất trống. Thường xuyên có xe phun, rửa nước cho cây xanh và đường giao thông trong nội bộ.





*** Đối với xã hội và cộng đồng:**

Hưởng ứng tích cực thông điệp của Thủ tướng Chính phủ “Không để người dân nào bị bỏ lại phía sau” Công ty đã rất tích cực trong các hoạt động:

- Xây nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ thiên tai hỏa hoạn.
- Thường xuyên có những đóng góp với địa phương trong công tác từ thiện, quỹ khuyến học, phong trào văn hóa thể thao và công tác xã hội khác.
- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, giúp đỡ các gia đình chính sách, người nghèo, đóng góp để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh,....)

Công ty có thể bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh bởi các rủi ro sau:

5.1. Rủi ro về kinh tế

Những diễn biến của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài sự tác động

của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

*** *Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng GDP)***

Kinh tế - xã hội năm 2022 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được các tổ chức quốc tế dự báo tăng hoặc giữ nguyên so với dự báo tại thời điểm quý III/2022 nhưng thấp hơn tăng trưởng của năm 2021. Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng XIII, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện tích cực, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, kinh tế - xã hội năm 2022 của nước ta khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ với mức tăng trưởng cao. Hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi tích cực ở cả ba khu vực kinh tế. GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,1%. Khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%; trong đó nhiều ngành dịch vụ thị trường tăng cao như bán buôn, bán lẻ tăng 10,15%; vận tải kho bãi tăng 11,93%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 40,61%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,03%.

Tuy nhiên, đối với thị trường xi măng, việc dư thừa xi măng tiếp tục dẫn tới cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong bối cảnh các đơn vị sản xuất xi măng đứng trước áp lực phải tiêu thụ sản phẩm, nhiều đơn vị phải thực hiện dừng lò nung/giảm năng suất chạy lò. Đầu tháng 1 vừa qua, một số dây chuyền xi măng xác nhận phải dừng lò, kết hợp sửa chữa thiết bị, cũng để giảm tải áp lực về tiêu thụ khi thị trường xi măng trong nước và xuất khẩu còn trầm lắng.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, clinker phục vụ cho xây dựng, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng

trường kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo việc đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng và ngược lại.

Năm 2022, tổng sản lượng tiêu thụ xi măng tại thị trường trong nước đạt 62,68 triệu tấn, tương đương năm 2021. Tiêu thụ xi măng chững lại do chu kỳ đi xuống của thị trường bất động sản, cộng với việc giải ngân vốn đầu tư các công trình công còn chậm, khiến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xi măng bị ảnh hưởng đáng kể.

Tiêu thụ xi măng thấp, trong khi chi phí sản xuất liên tục tăng cao, khiến lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất xi măng tiếp tục giảm tốc, nhất là những doanh nghiệp đóng đô tại địa bàn có nhiều nhà máy xi măng, sản lượng lớn như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nam, Ninh Bình. Kịch bản này dự báo duy trì tiếp trong năm 2023.

Theo các chuyên gia nhận định, thị trường bất động sản được dự báo sẽ tiếp tục gặp khó, khi dòng vốn vẫn chưa được khơi thông, tâm lý người mua nhà thận trọng... khiến nhiều doanh nghiệp không dám đẩy mạnh đầu tư dự án mới, mà chọn tập trung khai thác các dự án hiện hữu, giãn tiến độ xây dựng.

Thị trường năm 2023 chưa được cải thiện cũng là nhận định của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (Vicem), doanh nghiệp nắm giữ 35% thị phần trên thị trường xi măng trong nước. Tổng Giám đốc Vicem, ông Lê Nam Khánh cho hay, xây dựng dân dụng phục hồi chậm; các công trình, dự án cũng chậm triển khai, nên xi măng không dễ tăng tiêu thụ.

Bên cạnh sự suy giảm nhu cầu bất động sản, các doanh nghiệp xi măng còn tiếp tục chịu áp lực từ thị trường xuất khẩu. Cụ thể, xuất khẩu xi măng và clinker trong năm qua ghi nhận sụt giảm rất mạnh so với thực hiện của năm ngoái. Thị trường xuất khẩu xi măng của Việt Nam được dự báo có thể phục hồi trong nửa cuối năm 2023 nhờ vào việc Trung Quốc mở cửa trở lại.

Dù trong tháng 12/2022, tình hình xuất khẩu xi măng và clinker tại các thị trường truyền thống như Đài Loan, Bangladesh, Malaysia... đã được cải thiện đáng kể nhưng chưa thể bù đắp được mức giảm của nhiều tháng trước đó. Số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam cho thấy, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu xi măng lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, do nhu cầu xây dựng yếu đi tại Trung Quốc, xuất khẩu xi măng của Việt Nam sang thị trường này giảm đáng kể.

Cùng với đó, các nước nhập khẩu xi măng, clinker tiếp tục thực hiện nhiều chính sách bảo hộ sản xuất xi măng trong nước, áp dụng hàng rào kỹ thuật thương mại, giá cước vận chuyển cao gây khó khăn cho doanh nghiệp. Theo đó, tổng lượng xuất khẩu xi măng, clinker trong năm 2022 chỉ đạt 31,7 triệu tấn,

giảm 29% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chứng khoán SSI (SSI Research) cho rằng, thị trường xuất khẩu cũng có thể phục hồi trong nửa cuối năm 2023 nhờ vào việc Trung Quốc mở cửa trở lại. Điều này cũng có thể giúp giảm áp lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp miền Bắc và miền Trung của Việt Nam.

Theo các yếu tố ảnh hưởng trên, xi măng La Hiên cũng không thể nằm ngoài những tác động ảnh hưởng đó và cũng sẽ là nhân tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty.

*** *Rủi ro tín dụng:***

Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình mà chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng chưa được thu hồi mà Công ty thường xuyên theo dõi.

*** *Lạm phát:***

Nhờ những chính sách quyết liệt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ mà lạm phát của Việt Nam trong những năm gần đây tăng ở mức thấp nhưng các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như chi phí điện, than, ... lại có xu hướng gia tăng, phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

*** *Lãi suất:***

Một doanh nghiệp khi huy động vốn vay từ bên ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ chịu rủi ro khi lãi suất thị trường tăng hoặc giảm. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI sử dụng nguồn vốn vay làm nguồn tài trợ chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, diễn biến tăng giảm lãi suất sẽ có tác động ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** *Tỷ giá hối đoái:***

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và biến động của tỷ giá hối đoái dẫn đến những tác động bất lợi cho doanh nghiệp.

5.2. *Rủi ro về luật pháp*

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần niêm yết, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI sẽ chịu sự điều chỉnh chủ yếu của Luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác đến lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Là quốc gia đang phát triển, đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường nên hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung, dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.3. *Rủi ro đặc thù*

**** Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào***

Những vật tư, nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất xi măng bao gồm: Đá vôi, đất sét, than, dầu, thạch cao, quặng sắt, cước vận tải,... Về nguyên liệu chính, Công ty có lợi thế sở hữu mỏ nguyên liệu trữ lượng lớn và chất lượng cao, đáp ứng cho việc sản xuất xi măng. Còn đối với các nguyên liệu cần có sự cung cấp từ bên ngoài có đặc tính biến động theo giá thị trường, một mặt, Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ hiện đại hơn nhằm nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu; mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Tuy nhiên dây chuyền thiết bị của Công ty chủ yếu được nhập từ Trung Quốc, dịch bệnh Covid - 19 bắt nguồn từ nước này nên cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc nhập khẩu thiết bị, thông quan, nhập cảnh của các chuyên gia đến làm việc tại Công ty.

**** Rủi ro cạnh tranh***

Vị trí công ty nằm trong khu vực có mật độ tập trung các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước (*toàn Tỉnh Thái Nguyên hiện có 05 Nhà máy xi măng*) do đó tình trạng cung vượt cầu rất lớn dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa, đẩy mặt bằng giá xuống thấp. Tuyến đường vận chuyển độc địa bằng đường bộ, nhỏ hẹp, lưu lượng xe lớn làm tăng chi phí cho việc vận chuyển tiêu thụ sản phẩm và cung cấp vật tư đầu vào.

Theo Báo cáo ngành xi măng 6 tháng đầu năm 2022, cả nước hiện đang có 90 dây chuyền sản xuất với tổng công suất hơn 110 triệu tấn/năm. Trong năm nay, nguồn cung xi măng tiếp tục duy trì ở mức rất cao, trong khi nhu cầu xi măng trong nước dự kiến khoảng 65 triệu tấn. Việc mất cân đối cung - cầu khiến thị trường xi măng trong nước tiếp tục cạnh tranh khốc liệt về giá bán và chính sách hỗ trợ của các thương hiệu xi măng nhằm chiếm lĩnh thị trường.

Ngoài ra, trong thời gian tới, công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm xi măng nước ngoài khi Việt Nam mở cửa theo các hiệp định thương mại

quốc tế như Hiệp định Thương mại tự do (FTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),...

5.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty khi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển, và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

5.5. Rủi ro về môi trường

Quá trình sản xuất clinker và xi măng tại các nhà máy xi măng trên toàn Thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan tới việc thải ra khối lượng khói bụi vào môi trường sống. Sự ô nhiễm do quá trình sản xuất xi măng đang buộc chúng ta phải có những thay đổi tích cực mà mục tiêu không gì khác là bảo vệ môi trường. Do vậy sẽ rất rủi ro cho hoạt động của Công ty khi chưa đầu tư hoặc không thể đầu tư được các hệ thống thiết bị để xử lý khói bụi.

5.6. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Thiên tai, dịch bệnh, bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như giảm sản lượng hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất đối với Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: *Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...*

Trong năm 2022 vừa qua, ngành Xi măng vừa có thêm 2 dây chuyền đi vào sản xuất là Xi măng Đại Dương 1 (tháng 7/2022, công suất 2,3 triệu

tấn/năm); Xi măng Long Sơn 4 (tháng 9/2022, công suất 2,5 triệu tấn/năm). Dự kiến nguồn cung xi măng sẽ đạt khoảng 120,7 triệu tấn, trong khi nhu cầu tiêu thụ xi măng trong nước dự báo chỉ ở mức 63 - 65,5 triệu tấn.

Dư thừa xi măng tiếp tục dẫn tới cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong bối cảnh các đơn vị sản xuất xi măng đứng trước áp lực phải tiêu thụ sản phẩm, nhiều đơn vị phải thực hiện dừng lò nung/giảm năng suất chạy lò. Đầu tháng 1 vừa qua, một số dây chuyền xi măng xác nhận phải dừng lò, kết hợp sửa chữa thiết bị, cũng để giảm tải áp lực về tiêu thụ khi thị trường xi măng trong nước và xuất khẩu còn trầm lắng.

Năm 2022, tổng sản lượng tiêu thụ xi măng tại thị trường trong nước đạt 62,68 triệu tấn, tương đương năm 2021. Tiêu thụ xi măng chững lại do chu kỳ đi xuống của thị trường bất động sản, cộng với việc giải ngân vốn đầu tư các công trình công còn chậm, khiến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xi măng bị ảnh hưởng đáng kể.

Tiêu thụ xi măng thấp, trong khi chi phí sản xuất liên tục tăng cao, khiến lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất xi măng tiếp tục giảm tốc, nhất là những doanh nghiệp đóng đô tại địa bàn có nhiều nhà máy xi măng, sản lượng lớn như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nam, Ninh Bình. Kịch bản này dự báo duy trì tiếp trong năm 2023.

Theo các chuyên gia nhận định, thị trường bất động sản được dự báo sẽ tiếp tục gặp khó, khi dòng vốn vẫn chưa được khơi thông, tâm lý người mua nhà thận trọng... khiến nhiều doanh nghiệp không dám đẩy mạnh đầu tư dự án mới, mà chọn tập trung khai thác các dự án hiện hữu, giãn tiến độ xây dựng.

Việc dư thừa cung cùng với những biến động của thị trường, năm 2022 là một năm đầy khó khăn của ngành xi măng Việt Nam, Công ty cổ phần xi măng La Hiên cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những yếu tố trên.

Tuy nhiên, với nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo cùng cán bộ công nhân viên của Công ty, trong năm 2022, Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Công ty cũng luôn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

- Sử dụng nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả, giảm ~ 76,82% chi phí tài chính so với năm liền kề.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát máy móc thiết bị, dây chuyền công

nghệ, trong năm đã hạn chế xảy ra sự cố đột xuất trong sản xuất. Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia giúp hạ giá thành sản phẩm.

- Duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động, không để sản phẩm tồn kho lớn làm giảm chất lượng sản phẩm và ứ đọng vốn.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Năm 2022 tiếp tục là năm Công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đã được tăng trưởng rõ nét. Quyền lợi của cổ đông và người lao động đều được nâng cao.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề

* Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	KH năm 2022	Thực hiện năm 2022	% TH 2022/2021	% TH/KH
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	805.916,11	740.000	769.844,77	95,52	104,03
1	Xi măng	"	726.077,02	690.000	720.300,06	99,20	104,39
2	Clinker thương phẩm	"	79.839,09	50.000	49.544,71	62,06	99,09
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	805.916,11	740.000	769.844,77	95,52	104,03
-	Xi măng	"	726.077,02	690.000	720.300,06	99,20	104,39
-	Clinker thương phẩm	"	79.839,09	50.000	49.544,71	62,06	99,09
B	Doanh thu, TN khác	Tr.đ	734.621,66	680.279,22	815.125,62	110,96	119,82
-	Xi măng	"	679.764,00	643.388,73	774.875,22	113,99	120,44
-	Clinker thương phẩm	"	51.312,71	31.818,18	36.117,48	70,39	113,51
-	Doanh thu, TN khác	"	3.544,95	5.072,31	4.132,91	116,59	81,48
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	68.383,37	56.000	70.444,78	103,01	125,79
D	Cổ tức (dự kiến)	%	35	25	35	100,00	140,00
G	Nộp ngân sách NN	Tr.đ	53.367,42	42.584	46.085,37	86,35	108,22
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động bình quân	Người	552	552	544	98,55	98,55
2	Tiền lương bq	Đ/n/th	14.469.227	11.750.000	14.984.331	103,56	127,53

* Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:

Do biến động của thị trường, năm 2022 sản lượng tiêu thụ giảm 4,48%, tuy nhiên do điều hành chính sách giá bán linh hoạt, doanh thu tăng 10,96% còn lợi nhuận trước thuế tăng 3,01% so với năm 2021. Như vậy, trong năm Công ty đã điều hành tương đối tốt chính sách giá bán cũng như tiết kiệm được các khoản chi phí nên lợi nhuận trong năm 2022 cũng đã có sự tăng trưởng so với

cùng kỳ năm 2021.

- Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI luôn xác định chủ động nắm bắt tình hình, linh hoạt trong điều hành chỉ đạo, xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Công ty luôn vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, tiết kiệm các chi phí trong sản xuất nhằm giữ được giá thành hợp lý đảm bảo tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Đặc biệt Công ty luôn có sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của cán bộ và tập thể người lao động. Bộ máy quản lý đã chủ động và sát sao hơn trong điều hành sản xuất, công tác thị trường, tiếp cận các hộ tiêu dùng trực tiếp nhằm tăng sản lượng. Công ty đã biết vận dụng linh hoạt trong cơ chế bán hàng, tiết kiệm tốt các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện quản lý tốt máy móc thiết bị, công nghệ nên đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2022 và đạt mức lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

2.1.1 Ông Trần Quang Khải:

Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI (Kể từ ngày 18/05/2022)

Ngày/tháng/năm sinh: 27/07/1973

Quê quán: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.752.277 Ngày cấp: 01/06/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 14, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,041%

2.1.2 Ông Lê Bá Chức:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 10/05/1965

Quê quán: Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.490 Ngày cấp: 24/01/2000 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 07, Phường Túc Duyên, TP Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,157%

2.1.3 Ông Phạm Mạnh Tiến:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 07/02/1969

Quê quán: Xã Thụy Dương, Huyện Thụy Anh, Tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 019069001194 Ngày cấp: 21/4/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QL HC TTXH Bộ CA

Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,066%

2.1.4 Bà Nguyễn Thị Thu Hoài:

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 07/05/1988

Quê quán: Xã Khai Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 019188006028 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QL HC TTXH Bộ CA

Địa chỉ thường trú: Xóm 6, Xã Sơn Cẩm, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)

- Ông Trần Quang Khải bắt đầu giữ chức danh Giám đốc Công ty kể từ ngày 18/05/2022

- Bà Nguyễn Thị Thu Hoài bắt đầu giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 01/02/2022

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 542 người, trong đó:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Cán bộ quản lý	34	6,27%
2	Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	44	8,12%
3	Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ	83	15,31%
4	Nhân viên phục vụ	32	5,90%
5	Công nhân lao động	348	64,21%
6	Công đoàn	1	0,18%
	Tổng cộng:	542	100,00%

Và có các trình độ chuyên môn sau:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Trình độ thạc sỹ	7	1,29%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	149	27,49%
3	Trình độ trung cấp	42	7,75%
4	Công nhân kỹ thuật	342	63,10%

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
5	Lao động phổ thông	2	0,37%
	Tổng cộng:	542	100,00%

- Thực hiện chủ trương tái cơ cấu và sắp xếp lao động, trong năm đã giải quyết nghỉ chế độ và chấm dứt hợp đồng lao động cho 07 người, tuyển dụng bổ sung 01 người.

- Xác định nguồn nhân lực luôn là nguồn quan trọng nhất, là chìa khóa của sự thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của Công ty.

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.

- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.

- Công ty luôn có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (2 lần/năm). Trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Động viên khen thưởng kịp thời và tặng quà cho người lao động nhân các dịp lễ. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động, cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát vv... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: *Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết*

*** Đầu tư tài chính:**

Công ty không có các khoản đầu tư tài chính nào.

*** Đầu tư dự án:**

Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2022 Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư ghi trong kế hoạch năm, cụ thể:

a. Công trình khởi công mới

- Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI gồm:

+ Gói thầu số 01: Thiết bị quang phổ huỳnh quang tia X (1 cái), đã hoàn

thành nghiệm thu thiết bị và bàn giao đưa vào sử dụng ngày 23/11/2022 với giá trị 4.374 triệu đồng;

+ Gói thầu số 02: Thiết bị máy xúc đào bánh lốp dung tích gầu 1- 1,2 m³ (1 cái), đã hoàn thành nghiệm thu thiết bị và bàn giao đưa vào sử dụng ngày 03/09/2022 với giá trị 3.480 triệu đồng.

Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với giá trị 7.895 triệu đồng.

- Dự án Trạm cân 120 tấn: Dự án đã lựa chọn, ký hợp đồng với nhà thầu thi công gói xây dựng và gói cung cấp thiết bị.

b. Công trình dự phòng

- Dự án nâng cấp hệ thống tự động hóa (DCS) dây chuyền II: Nhà thầu đã khảo sát và đang lập phương án kỹ thuật cho phù hợp hiện trạng của Công ty.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng (+); Giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	307.523,97	319.238,16	3,81%
2	Doanh thu thuần	733.785,51	811.808,65	10,63%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	68.389,05	71.290,84	4,24%
4	Lợi nhuận khác	(5,68)	(846,06)	14.801,59%
5	Lợi nhuận trước thuế	68.383,37	70.444,78	3,01%
6	Lợi nhuận sau thuế	54.488,14	56.034,84	2,84%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	77,08%	74,95%	-2,76%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>	Lần			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	"	1,25	1,63	
+	Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	"	1,11	1,38	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>				
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	"	0,34	0,36	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	"	0,51	0,57	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>				
+	Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	34,53	34,14	
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,39	2,54	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+	Lợi nhuận biên <u>Lợi nhuận sau thuế</u> Doanh thu thuần	%	7,43%	6,90%	
+	Tỷ suất ROE <u>Lợi nhuận sau thuế</u> Vốn chủ sở hữu	%	26,72%	27,57%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
+	Tỷ suất ROA	%			
	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> Tổng tài sản	-	17,72%	17,55%	
+	Tỷ suất LN từ HĐKD / DTT	%			
	<u>LN từ hoạt động KD</u> Doanh thu thuần		9,32%	8,78%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 12.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 12.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 11.978.400 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 21.600 cổ phần.

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do quyết định của Tòa án: là 21.600 cổ phiếu. Đây là trường hợp cổ đông Phạm Triều Dương bị thu hồi cổ phiếu theo Quyết định số 23/QĐ-THA ngày 19/4/2010 của Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên.

- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	12.000.000	100%
+	Cổ đông lớn	6.165.960	51,383%

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
+	Cổ đông nhỏ	5.834.040	48,617%
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	12.000.000	100%
+	Cổ đông tổ chức	7.317.900	60,9825%
+	Cổ đông cá nhân	4.682.100	39,0175%
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	12.000.000	100%
+	Cổ đông trong nước	11.979.740	99,831%
+	Cổ đông nước ngoài	20.260	0,169%
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	12.000.000	100%
+	Cổ đông nhà nước	6.165.960	51,383%
+	Cổ đông khác	5.834.040	48,617%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)

Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác: Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán

Công ty không có các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty luôn tuân thủ và tích cực thực hiện theo các chính sách cũng như các chương trình hành động quốc gia về phát triển bền vững. Tinh thần đó được thể hiện xuyên suốt trong hệ thống quản lý của Công ty.

Mục tiêu và kế hoạch hành động đặt ra là: Bảo vệ Môi trường bền vững, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xanh hóa sản xuất và môi trường sống. Quản lý việc sử dụng nguồn nước và các tài nguyên thiên

nhiên, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây nhằm cải thiện môi trường sống, giảm thiểu lượng rác thải ra ngoài môi trường.

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đá vôi	Tấn	708.047,4	
2	Đá phụ gia	“	139.668,9	
3	Đá thải	“	109.178,9	
4	Đất sét	“	49.091,8	
5	Đất cao silic	“	23.895,7	
6	Quặng sắt	“	14.659,7	
7	Thạch cao	“	7.448,6	
8	Đá mặt	“	49.441,71	
9	Đá hộc	“	43.594,6	
10	Tro đáy	“	1.177,67	
11	Viên trợ nghiền Spectromelt C20(5kg/lọ)	Lọ	4	
12	Phụ gia thu hồi	Tấn	1.579,7	
13	Phụ gia trợ nghiền	Kg	391.220	
14	Vỏ bao	Vỏ	14.421.748	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Công ty đã tận dụng lại các nguyên vật liệu thải ra trong quá trình sản xuất để tái chế sử dụng lại như tro đáy từ nhà máy điện, đá bã sàng từ than góp phần giảm thải ra môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu diezen	Lít	779.481,00	
2	Xăng A95	“	21.191,00	
3	Than cám 5a.6	Tấn	96.627,18	
4	Điện năng	KW	81.527.906	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Việc tăng cường triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một giải pháp thiết thực giúp cải thiện hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời giúp bảo tồn nguồn năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. Theo Bộ Công Thương, ngành công nghiệp hiện chiếm hơn 47% tổng tiêu thụ năng lượng toàn quốc, với tiềm năng tiết kiệm năng lượng lên tới 30 - 35%. Chính vì vậy, việc Công ty sản xuất tăng cường triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến góp phần sử dụng năng lượng có hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Xác định năng lượng là một nguồn tài nguyên, khoáng sản của quốc gia. Con người sống không thể thiếu năng lượng mà năng lượng là hữu hạn do vậy chúng ta cần sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên luôn nghiên cứu và áp dụng các giải pháp nhằm sử dụng tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng. Trong cơ cấu sản phẩm của Công ty thì yếu tố than, điện chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành sản phẩm, do vậy giải pháp tiết kiệm tiêu hao than, điện là vấn đề luôn được quan tâm chỉ đạo trong quá trình thực hiện.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Hiện công ty có nguồn cung cấp nước mặt và nước từ giếng khoan với lượng nước sử dụng trong năm là: Nước mặt 31.529 m³, nước giếng 11.385 m³.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty xây dựng bể chứa nước tuần hoàn để phục vụ sản xuất nhằm tránh lãng phí trong sử dụng tài nguyên nước với tỷ lệ tái sử dụng lại trên 90%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn nghiêm túc trong việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống Quan trắc khí thải tự động đã đưa vào sử dụng nhằm kiểm soát tốt mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất đối với môi trường để từ đó có những giải pháp khắc phục kịp thời, hạn chế tác động xấu đến môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2022 Công ty có 542 người lao động, số lao động bình quân trong năm là 544 người, tiền lương bình quân đạt 14.984.331 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Người lao động luôn được quan tâm trong việc chăm sóc sức khỏe, được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại đầy đủ theo quy định. Hàng năm được tập huấn an toàn để phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra trong sản xuất cũng như đời sống hàng ngày. Định kỳ một năm hai lần có tổ chức các đợt khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động giúp người lao động yên tâm công tác.

Thực hiện đúng số giờ làm việc của người lao động theo quy định của pháp luật. Luôn để người lao động thấy Công ty trở thành nơi làm việc tốt nhất và lý tưởng nhất cho người lao động. Thu hút và giữ chân được nhân tài, duy trì môi trường làm việc lý tưởng, chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt nhất có thể.

- Rèn luyện thể thao để tăng cường sức khỏe trong CBCNV Công ty:



c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Củng cố nhân sự bền vững, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức cho nhân viên; đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động; cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhằm nâng cao trình độ năng lực trong quản trị kinh doanh.



6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

Xây dựng doanh nghiệp phát triển gắn với trách nhiệm xã hội là vấn đề được ưu tiên, là nhu cầu tất yếu của Công ty. Công ty luôn đề cao “Thương hiệu gắn bó cộng đồng”. Chung tay cùng xây dựng một cộng đồng bền vững. Tích cực tổ chức/tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng. Đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)

Biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đang ảnh hưởng tới sự ổn định môi trường sống của loài người, khiến các quốc gia phải nghĩ tới việc phát triển bền vững. Trước xu hướng phát triển bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, Việt Nam đang triển khai Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh với nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược Tăng trưởng xanh là “Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Để thực hiện tăng trưởng xanh, việc tạo ra được sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý, các tổ chức chính trị, xã hội, cộng đồng doanh nghiệp cũng như công chúng đầu tư là rất quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến động thái của thị

trường vốn xanh.

Tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, chúng tôi luôn hiểu rằng sự phát triển và thành công của một doanh nghiệp không chỉ là những con số về tài chính mà còn là sự gắn kết, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước, xã hội, cộng đồng và các đối tác liên quan. Với nhận định đó, trong nỗ lực phát triển bền vững của mình, Xi măng La Hiên luôn nỗ lực hết mình trong việc tìm kiếm và triển khai các giải pháp trong định hướng tăng trưởng xanh (thị trường vốn xanh) và phát triển bền vững của đất nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC *(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

** Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)*

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ.

Tuy vậy, nền kinh tế nước ta trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Trong điều kiện tác động, ảnh hưởng từ bên ngoài rất lớn và ngày càng gia tăng, Công ty kiên định mục tiêu đề ra, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là *giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng*.

Đối với Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2022 cũng vẫn còn gặp nhiều khó khăn tại thị trường trong nước do nằm trong vùng có mật độ các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước, tình trạng cạnh tranh tại các khu vực là thị trường truyền thống rất quyết liệt.

Nhận định được những khó khăn đó trong năm 2022 Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, ngay từ những tháng đầu năm Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực bám sát

các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 769.844,77 tấn/KH 740.000 tấn = 104,03% kế hoạch giao; doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập khác thực hiện đạt 815.125,62 trđ/KH 680.279,22 trđ = 119,82% kế hoạch giao; Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 70.444,78/KH 56.000 tr.đồng = 125,79% kế hoạch giao; sản xuất luôn đảm bảo an toàn.

Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều hoàn thành vượt mức so với kế hoạch, đồng thời Hội đồng quản trị và ban điều hành tiếp tục vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại lợi nhuận tốt hơn so với kế hoạch đề ra. Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2022 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đề ra, sản xuất được duy trì ổn định; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2022 Ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được giao và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

*** Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:**

Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ vững thị trường hiện có, tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới. Thành công của công tác thị trường năm 2022 là Công ty đã tăng

được giá bán của các loại sản phẩm: xi măng, Clinker, mặt khác tăng được cơ cấu sản phẩm xi măng bao có giá bán cao, giảm cơ cấu sản phẩm xi măng bột, clinker giá bán thấp tăng hiệu quả kinh doanh năm 2022.

Năm 2022, tiêu thụ xi măng chững lại do chu kỳ đi xuống của thị trường bất động sản, cộng với việc giải ngân vốn đầu tư các công trình công còn chậm, khiến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xi măng bị ảnh hưởng đáng kể. Tiêu thụ xi măng thấp, trong khi chi phí sản xuất liên tục tăng cao, khiến lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất xi măng tiếp tục giảm tốc, Theo các chuyên gia nhận định, thị trường bất động sản được dự báo sẽ tiếp tục gặp khó, khi dòng vốn vẫn chưa được khơi thông, tâm lý người mua nhà thận trọng... khiến nhiều doanh nghiệp không dám đẩy mạnh đầu tư dự án mới, mà chọn tập trung khai thác các dự án hiện hữu, giãn tiến độ xây dựng.

Đứng trước những khó khăn đó, Lãnh đạo Công ty rất sát sao trong công tác chỉ đạo, bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh, thường xuyên nắm bắt thông tin về nhu cầu của khách hàng đưa ra các giải pháp thích hợp để tăng sản lượng xi măng bán vào các thị trường có giá bán cao.

Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ với khách hàng, đơn đốc việc thu hồi công nợ.

*** Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:**

Công tác kiểm tra sản phẩm trong dây chuyền được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo số liệu có độ chính xác tin cậy cung cấp cho các bộ phận liên quan góp phần phát hiện, xử lý và có biện pháp khắc phục - phòng ngừa sản phẩm không phù hợp. Sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, thay thế phụ gia có giá thấp trong xi măng để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất, duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển. Cân đối sản lượng tồn kho, kiểm soát chặt chẽ thiết bị phải dừng hoạt

động vào giờ cao điểm và chủ yếu hoạt động vào giờ thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, giảm giá thành sản phẩm.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

Tích cực tìm các giải pháp để đầu tư cải tiến thay thế thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật, thay thế thiết bị mới tốt hơn tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm. Tổ chức tốt việc bảo dưỡng, sửa chữa sự cố, sửa chữa lớn thiết bị, chủ động dừng lò và thiết bị để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch vào các thời điểm tết nguyên đán và mùa mưa sản lượng tiêu thụ chậm.

Tổ chức kiểm tra giám sát công tác quản lý chăm sóc thiết bị của các đơn vị, phân xưởng sản xuất, phát hiện các dấu hiệu hư hỏng máy móc thiết bị trong dây chuyền, phối hợp cùng các đơn vị đưa ra phương án xử lý sửa chữa nhằm đảm bảo cho thiết bị dây chuyền hoạt động ổn định về chất lượng, năng suất và tăng thời gian huy động, giảm sự cố thiết bị đột xuất không mong muốn trong năm 2023.

*** Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, điều hành tiết kiệm chi phí:**

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa trong sản xuất là vấn đề luôn được quan tâm. Năm 2022 các tập thể và các cá nhân người lao động đã có 17 sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết thực có giá trị và làm lợi cho Công ty nhiều tỷ đồng và cải thiện môi trường làm việc trong Công ty.

Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu, giải pháp điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Tổng Công ty để chỉ đạo điều hành, thực hiện chương trình tiết kiệm chống lãng phí năm 2022 với các nhóm giải pháp tích cực. Thành lập ban chỉ đạo, ban hành chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí năm 2022 kèm theo các nhóm giải pháp điều hành, và nghiệm thu kết quả thực hiện với các chỉ tiêu cụ thể.

*** Công tác kế hoạch, khoán quản:**

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

- Công tác vật tư: Tích cực tìm nguồn hàng vật tư nguyên vật liệu sản xuất trong nước đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh để phục vụ sản xuất. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa đảm

bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh. Công tác quản lý kho tàng, xuất nhập vật tư an toàn đúng pháp luật. Thực hiện quyết toán vật tư theo quy định, theo dõi việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư và tham gia xây dựng định mức tiêu hao vật tư ở các phòng ban phân xưởng trong Công ty. Trong năm tổ chức sắp xếp quản lý kho vật tư hợp lý, an toàn khoa học. Số dư hàng tồn kho vật liệu cuối kỳ đạt hệ số tồn kho <4% theo quy định của Tập đoàn TKV và Tổng công ty.

- Công tác đầu tư xây dựng: Thực hiện các dự án theo kế hoạch giao trên cơ sở nghiên cứu thực hiện trước các dự án đầu tư phát triển phục vụ trực tiếp cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện các dự án, tổ chức đấu thầu thực hiện đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

*** Công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tối chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch giao. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty luôn được bảo toàn và tăng trưởng tốt, các hệ số tài chính được cải thiện rõ rệt.

*** Công tác Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:**

Phòng Tổ chức lao động đã tích cực tham mưu cho Giám đốc phương án Tái cơ cấu lao động, trong năm 2022 đã giảm được 7 lao động, tuyển dụng thêm 01 lao động được đào tạo tốt. Tập trung lao động cho mục tiêu chính, cốt lõi của Công ty; Tinh giản lao động không làm giảm chất lượng lao động; Tái cơ cấu lực lượng lao động đi đôi với tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt

chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, TN, YT, KPCĐ cho người LĐ trong Công ty đầy đủ đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

*** Các phân xưởng sản xuất:**

Quản lý chặt chẽ quy trình vận hành, chủ động trong công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị và dự báo vật tư dự phòng thay thế. Tình trạng kỹ thuật thiết bị luôn được theo dõi chặt chẽ, các dấu hiệu sự cố được chủ động phát hiện và xử lý kịp thời duy trì thiết bị hoạt động ổn định. Công nhân vận hành có ý thức trách nhiệm cao, tự giác trong công tác chăm sóc bảo dưỡng thiết bị, trình độ vận hành thiết bị ngày càng được nâng cao.

*** Khôi phục vụ:**

Đã giúp việc cho Lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho CNVC - LĐ. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho CNVC trở thành khu tập thể văn hóa.

Lực lượng bảo vệ phối hợp tốt với địa phương trong địa bàn làm công tác an ninh trật tự khu vực, giữ gìn trật tự an ninh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, thực hiện tốt công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

*** Công tác an toàn bảo hộ lao động:**

Công tác ATBHLĐ năm 2022 luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng BHLĐ của Công ty đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác AT-VSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ: Công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng quy chế thưởng phạt trong công tác AT-BHLĐ để tăng thêm hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường

thăng, thời gian khấu khấu thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định .

- Thanh toán cho người bán đúng hợp đồng, các khoản gốc, lãi vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng và trước kỳ hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ do ĐHCĐ quyết định và được việc sử dụng trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các Quy chế HĐQT đã ban hành.

2.1. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

* Tình hình tài sản:

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Tăng, giảm
I	Tài sản ngắn hạn	119.301.233.964	179.732.653.678	50,65%
II	Tài sản dài hạn	188.222.731.923	139.505.501.797	-25,88%
	Tổng cộng	307.523.965.887	319.238.155.475	3,81%

Trong năm Công ty đã phát huy tối đa việc sử dụng tài sản và tiền vốn nhằm đạt được những lợi ích cao nhất. Tính đến thời điểm 31/12/2022 giá trị tổng tài sản của Công ty tăng 3,81% so với thời điểm 31/12/2021 chủ yếu do tăng tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn.

* Tình hình công nợ phải thu:

Đơn vị: VNĐ

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Tăng, giảm
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	6.966.908.161	7.825.147.833	12,32%
2	Trả trước cho người bán	255.888.163	68.485.940	-73,24%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.348.178.570	2.749.461.334	103,94%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-138.530.000	-157.340.000	13,58%
	Tổng cộng	8.432.444.894	10.485.755.107	24,35%

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được đối chiếu xác nhận với khách hàng đầy đủ và đây cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép. Trong năm 2022 Công ty rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, nợ phải thu tăng 12,32% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do ngân sách Nhà nước nợ của công trình nông thôn mới tăng lên so với cùng kỳ. Trả trước cho người bán do Công ty thực hiện chính sách thanh toán trước tiền mua than. Các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng do trích trước lãi tiền gửi của một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn nhưng chưa đến hạn thanh toán. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi tăng do trích lập dự phòng thêm công nợ phải thu khó đòi của một khách hàng.

*** Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	34,53	34,14
2	Vòng quay khoản phải thu	"	21,18	21,03
3	Vòng quay vốn lưu động	"	13,13	13,01
4	Vòng quay tài sản dài hạn	"	3,90	5,82
6	Tỷ suất lợi nhuận / Tổng TS (ROA)	%	17,72	17,55
7	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn CSH (ROE)	%	26,72	27,57

Nhìn chung tài sản của Công ty được sử dụng tốt, các chỉ tiêu sử dụng tài sản phần lớn đều được nâng cao hơn so với năm trước cho thấy Công ty đã rất tích cực trong việc quản lý và sử dụng tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	95.636.124.844	110.461.029.628	15,50%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	37.445.299.256	50.408.416.887	34,62%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	394.542.979	376.221.676	-4,64%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.362.023.139	7.583.242.590	3,00%
4	Phải trả người lao động	38.615.028.999	35.598.463.361	-7,81%

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng giảm
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.303.122.581	825.489.516	-75,01%
6	Phải trả ngắn hạn khác	2.506.163.583	1.844.616.611	-26,40%
+	<i>Tiền cổ tức phải trả</i>	<i>460.303.250</i>	<i>507.613.250</i>	10,28%
+	<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>2.045.860.333</i>	<i>1.337.003.361</i>	-34,65%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	2.500.000.000	
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.009.944.307	11.324.578.987	88,43%
II	Nợ dài hạn	7.984.534.717	5.520.666.186	-30,86%
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.500.000.000	5.000.000.000	-33,33%
2	Dự phòng phải trả dài hạn	484.534.717	520.666.186	7,46%
	Tổng cộng	103.620.659.561	115.981.695.814	11,93%

Đối với thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước do có chính sách được chậm trả khi ngân sách còn nợ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế, do vậy số tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng nằm trong số tiền mà ngân sách còn nợ Công ty.

Phải trả ngắn hạn khác là các khoản do một số nhà thầu nộp tiền bảo đảm dự thầu và thực hiện cho hợp đồng mua bán năm 2023.

Vay tài chính ngắn hạn tăng do chuyển một phần nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2023

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

Công ty chịu sự rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty có rủi ro tỷ giá hối từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Lãi suất vay vốn trong năm từ các tổ chức tín dụng được duy trì ở mức tương đối ổn định do vậy không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiết giảm lao động tuyệt đối 7 người do chấm dứt hợp đồng lao động kể từ đầu năm đến thời điểm 31/12/2022 tổng số lao động còn 542 người.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nhận định về tình hình năm 2023, các chuyên gia cho biết trên bình diện quốc tế, thế giới đang trong thời kỳ nhiều biến động và thay đổi về kinh tế, địa chính trị. Lạm phát tăng lên mức cao dẫn đến xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều quốc gia. Kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, một số quốc gia đã bắt đầu có dấu hiệu rơi vào suy thoái kinh tế.

Trong nước, Tổng cục Thống kê dự báo năm 2023, kinh tế-xã hội phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng lạm phát là rất lớn, như biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đà phục hồi tiêu dùng trong nước, tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao, rủi ro về chuỗi cung ứng cùng với việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý, thiên tai, dịch bệnh, bão lũ, biến đổi khí hậu...

Triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2023 có thể chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố hơn, trong đó có cả thuận lợi và thách thức đan xen. Trong nguy có cơ, tình trạng lây lan của các biến thể virus corona và các dịch bệnh mới (như đậu mùa khỉ...) được kiểm soát, điều này tạo điều kiện cho hoạt động kinh tế được liền mạch trở lại.

Hơn nữa, trong bối cảnh các nền kinh tế gia tăng cạnh tranh địa chính trị (xung đột Nga-Ucraina có thể kéo dài) sẽ nảy sinh các nhóm nền kinh tế “cùng chí hướng,” đây sẽ là cơ hội cho Việt Nam gia tăng hợp tác trên nhiều lĩnh vực (kinh tế số, kinh tế xanh, hàng nông sản, năng lượng...).

Trong nước, cộng đồng doanh nghiệp sẽ tiếp tục được hỗ trợ tích cực hơn,

do tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội sẽ khẩn trương hơn, do năm 2023 là năm cuối cùng của chương trình nếu không có gia hạn. Tuy nhiên, chất lượng của chương trình sẽ phụ thuộc đáng kể vào hiệu quả các nhiệm vụ về cải cách thể chế kinh tế, nhằm sớm tạo không gian mới cho phục hồi tăng trưởng.

Tình hình quốc tế, trong nước dự báo có những thời cơ thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen. Dự báo thị trường tiêu thụ xi măng năm 2023 cạnh tranh rất khốc liệt do cung vượt cầu, khó khăn và thách thức đối với Công ty là rất lớn.

Trong bối cảnh đó đòi hỏi chúng ta tiếp tục nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023 tạo tiền đề thuận lợi cho Công ty bước vào giai đoạn phát triển mới. Do vậy, kế hoạch đề ra là:

- Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cải tiến và hoàn thiện từng công đoạn sản xuất trong 02 dây chuyền lò quay xi măng, loại bỏ thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả.

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Quản lý tốt công tác khoán quản trị, giao chi phí sản xuất chặt chẽ, sát với tình hình thực tế đảm bảo cụ thể, hiệu quả phù hợp giá thành sản xuất. Cung ứng kịp thời, đầy đủ về chủng loại, đảm bảo chất lượng, hợp lý về giá cả vật tư phụ tùng phục vụ sản xuất, có kế hoạch dự trữ vật tư cho SXKD hợp lý giúp quản lý tốt chỉ tiêu tồn kho vật tư, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn kinh doanh.

- Luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Nhạy bén, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả đồng vốn. Thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết

kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội và động cơ cho đầu tư phát triển và tái cơ cấu lao động. Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)-
(Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty; Báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ được lập phù hợp với các tiêu chuẩn kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Do vậy Ban giám đốc không có giải trình đối với ý kiến của kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Hiện nay biến đổi khí hậu đã trở thành một vấn đề toàn cầu và ngày càng tác động nghiêm trọng đến điều kiện môi trường sống trên trái đất. Trong đó Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Là một tổ chức hoạt động trong nền kinh tế, xi măng La Hiên luôn cam kết thực hiện các giải pháp phù hợp với sự đầu tư về tài chính, nhân lực và hệ thống quản lý đảm bảo xử lý tốt các nguồn thải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng và tiếp tục áp dụng sử dụng các nguồn nguyên liệu để góp phần vào mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

Hàng năm Công ty đều lập kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ từ đầu năm, tổ chức thực hiện quan trắc các chỉ tiêu môi trường theo ĐTM và mạng lưới quan trắc đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên phê duyệt. Qua đó, đánh giá được mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường. Hệ thống xử lý nước thải, khí thải hoạt động ổn định, do vậy môi trường khu vực Công ty và dân cư xung quanh đều đảm bảo theo quy định. Năm 2022, hệ thống quan trắc khí thải tự động đã chạy ổn định, góp phần

kiểm soát tốt hơn các chỉ tiêu về môi trường không khí. Sau các đợt quan trắc định kỳ, chỉ tiêu môi trường năm 2022 của Công ty đều đảm bảo theo quy định, cụ thể:

- Về khí thải:

+ Khí thải công nghiệp: Tất cả các chỉ tiêu phân tích của ống khói khí thải như: CO₂, SO₂, NO_x, nồng độ bụi... đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 23:2009/BTNMT, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

+ Môi trường không khí khu vực sản xuất: Tất cả các chỉ tiêu phân tích như: độ rung, tiếng ồn, ánh sáng... đều nằm trong giới hạn cho phép của quyết định 3733/2002/BYT. Điều đó cho thấy môi trường làm việc tại công ty tương đối tốt.

+ Môi trường không khí khu vực xung quanh: Các chỉ tiêu quan trắc các mẫu không khí xung quanh đại diện đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Không khí môi trường tại Công ty đảm bảo, do đó hoạt động sản xuất của Công ty chưa ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh.

- Về nước thải:

+ Nước thải sản xuất: Kết quả phân tích chất lượng nước thải sản xuất của Công ty định kỳ năm 2022 cho thấy các chỉ tiêu phân tích như: PH, COD, BOD₅, các kim loại nặng... đều trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn cho phép ghi tại QCVN 40: 2011/BTNMT.

+ Nước thải sinh hoạt: Các chỉ tiêu phân tích nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý đều trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT. Nước thải sinh hoạt xả ra môi trường không gây ảnh hưởng đến chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Xi măng La Hiên luôn quan tâm đến môi trường làm việc cho người lao động, hạn chế tối thiểu những ảnh hưởng xấu của môi trường đến sức khỏe người lao động.

Với ý thức đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường, Công ty nhận thức được trách nhiệm An toàn - Sức khỏe - Môi trường là một việc quan trọng như bất kỳ một hoạt động nào khác trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tất cả các nhân viên của khối sản xuất đã được triển khai thực hiện các nguyên tắc và cam kết tuân thủ theo các quy định của Công ty nhằm góp phần

vào công tác an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường cũng như đóng góp vào việc bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động cộng đồng từ lâu đã trở thành truyền thống và là một phần không thể tách rời trong hoạt động tổng thể của xi măng La Hiên. Công ty luôn tham gia tích cực vào các hoạt động vì lợi ích cộng đồng trong sự đồng hành với các hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể, tổ chức xã hội.

Luôn có trách nhiệm bảo vệ và giảm thiểu những tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường sống xung quanh khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như trồng bổ sung cây xanh, thường xuyên tưới nước chống bụi...vv

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2022 nhận thức rõ được những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao cho như: Ảnh hưởng lớn của đại dịch viêm phổi cấp Covid - 19 đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Sự bùng phát nhanh chóng của dịch bệnh trên toàn cầu và chưa dừng lại cũng sẽ là rủi ro hết sức nguy hiểm đối với sự phát triển của toàn nền kinh tế. Môi trường kinh doanh của công ty vẫn chịu sự cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp, sản phẩm xi măng trên thị trường dư thừa nhiều do cung vượt cầu, thị trường bất động sản đã phục hồi nhưng chậm. Thiết bị sản xuất xi măng có công suất nhỏ, sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều. Số lượng lao động lớn, chỉ số giá tiêu dùng tăng cao đã làm cho đời sống công nhân viên chức lao động gặp nhiều khó khăn đó là những áp lực rất lớn trong năm 2022 đối với tập thể lãnh đạo và toàn thể công nhân viên chức của công ty.

Trong bối cảnh kinh tế luôn có những khó khăn và đầy thử thách, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển và ổn định của Công ty.

Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2022 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được

quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, năm 2022 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, tiêu thụ mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, đồng thời Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn khách quan, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp áp dụng để tiết kiệm chi phí đã cho được kết quả khả quan, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn so với kế hoạch trình tại đại hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2023 dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục biến động; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng.

Nhìn chung, dịch bệnh và cạnh tranh địa chính trị (xung đột Nga-Ucraina có thể kéo dài) sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế trên phạm vi toàn cầu, làm gián đoạn các nguồn cung ứng sản phẩm, hàng hóa và trực tiếp gây trì trệ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Và chắc chắn, Việt Nam cũng sẽ chịu không ít những ảnh hưởng bởi chúng ta có đường biên giới dài và nền kinh tế thị trường luôn mở cửa tự do.

Năm 2023 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt và có những diễn biến thay đổi khó lường, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HDQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2023 như sau:

*** Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2023**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	740.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	50.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	745.000	
1	Xi măng	Tr.đ	705.854	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	34.090	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	5.056	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	58.000	
D	Cổ tức	%	25,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	41.862	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động định mức	Người	547	
2	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/t hg	12,19	

*** Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự

án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2023: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **10.378** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp			1.028
	Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn	HT	01	1.028
II	Công trình khởi công mới			
III	Chuẩn bị đầu tư			250
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi Đồng Chuông (điều chỉnh)	HT	01	200
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động	HT	01	50
IV	Dự phòng			9.100
1	Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II (tạm tính 50%)	HT	01	4.200
2	Dự án hệ thống xếp bao tự động (tạm tính 50%)	HT	01	4.900
	Tổng cộng			10.378

*** Định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Có kế hoạch sửa chữa, đầu tư thay thế các máy móc thiết bị trong dây chuyền đảm bảo dây chuyền thiết bị được hoạt động thông suốt và bền vững. Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như đá vôi, sét, đất caosilic... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có

giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho người lao động.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất, phấn đấu tiết kiệm chi phí theo chủ trương của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc.

- Tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền thống, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Rà soát đánh giá kỹ công tác lao động - tiền lương, có lộ trình tăng năng suất lao động, tiết giảm lao động, tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật tốt để đào tạo nhân sự bền vững cho hoạt động của Công ty. Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với năng suất lao động và hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ .

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; cũng như phù hợp với các quy chế, qui định của Công ty mẹ và các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

- Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ

SỞ.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành Công ty.

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm báo cáo tài chính gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần (%)	Ghi chú
1	Ô. Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT- TP Quản lý vốn và kiểm soát nội bộ - Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	0,00%	
2	Ô. Trần Quang Khải	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty	0,041%	
3	B. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT	0,380%	
4	Ô. Hà Văn Chuyên	Ủy viên HĐQT	0,00%	
5	Ô. Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT	0,00%	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban)

Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty. Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
1	01/BBKP-HĐQT	04/01/2022	1. Thông qua hợp đồng cho thuê hoạt động cân cấp than WD-II với Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI năm 2022. 2. Thông qua hợp đồng mua bán than năm 2022 với người liên quan Công ty là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam 3. Thông qua hợp đồng mua bán đá thải sau tuyển nước với người liên quan Công ty là Công ty than Khánh Hòa VVMI. 4. Thông qua hợp đồng về việc mua bán xi	- ND (1) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5). - ND (2;3) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (2/2). - ND (4)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bồng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			măng giữa Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI với Hợp tác xã Sản xuất - Dịch Vụ Hoàng Thịnh Phát năm 2022. 5. Thông qua việc giao cho Ông Lê Xuân Tình - Phó trưởng phòng TCHC, kiêm Chánh văn phòng giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty, kiêm thư ký HĐQT.	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (4/4) - ND (5) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5)
2	Số: 02 /BB-HĐQT	19/01/2022	1. Thông qua phê duyệt tạm giao kế hoạch SXKD năm 2022. 2. Thông qua phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2021. 3. Thông qua phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 4. Thông qua phê duyệt quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 5. Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty và xin chủ trương thôi là Người phụ trách kế toán. 6. Thông qua phê duyệt tạm giao kế hoạch ĐTXD năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	- ND (1;2;3;4;5;6) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
3	Số: 03 /BB-HĐQT	16/03/2022	1. Thông qua phê duyệt kết quả SXKD quý IV, năm 2021 và giao kế hoạch SXKD quý I năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 2. Thông qua phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình Kho chứa nguyên liệu xi, thạch cao phục vụ sản xuất Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 3. Thông qua phê duyệt dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2022. 4. Chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm	- ND (1;2;3;4) 100% HĐQT nhất trí thông qua (4/4)

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	
4	Số: 04 /BBKP-HĐQT	08/4/2022	Phê duyệt hợp đồng cung cấp vỏ bao xi măng 6 tháng năm 2022 với người liên quan của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	100% HĐQT nhất trí thông qua (4/4)
5	05/BB-ĐHĐCĐ	12/4/2022	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động của Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022. Thông qua phương án lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2022. Thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng giá trị trên 35% tổng giá trị TSDN của Công ty để phục vụ SXKD năm 2022. 	<p>- Nội dung (1;2;3;5;6;8) Đạt 100 % tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua</p> <p>- Nội dung (4;7) đạt 97,55 % tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua</p>
6	Số: 06 /BB-HĐQT	29/4/2022	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua phê duyệt kết quả SXKD quý I năm 2022 và giao kế hoạch SXKD quý II năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Công ty cổ phần xi măng La 	- Nội dung (1;2) 100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5)

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			Hiên VVMI năm 2022.	
7	Số: 07 /BBKP-HĐQT	16/5/2022	Thông qua phê duyệt bổ nhiệm Ông Trần Quang Khải – Phó Giám đốc, quyền Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, thời gian kể từ ngày 18/05/2022.	100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5)
8	Số: 08 /BBKP-HĐQT	30/5/2022	1. Thông qua phê duyệt hợp đồng kinh tế cung cấp dịch vụ tổ chức Hội nghị khách hàng tại Sầm Sơn – Thanh Hóa năm 2022 với người liên quan của Công ty là Trung tâm điều dưỡng Ngành Than -VVMI. 2. Thông qua phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.	- Nội dung (1) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (2/2) - Nội dung (2) 100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5)
9	Số: 09 /BBKP-HĐQT	15/6/2022	Thông qua phê duyệt bổ nhiệm Ông Lê Quang Giáp – Phó phòng Kinh doanh Thị trường Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh Thị trường Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, thời gian kể từ ngày 20/06/2022.	100% thành viên HĐQT nhất trí thông qua (5/5);
10	Số:10 /BBKP-HĐQT	04/7/2022	Thông qua phê duyệt chuyển bước từ kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức (Công trình khởi công mới) đối với dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	100% thành viên HĐQT nhất trí thông qua (5/5);
11	Số: 11 /BBKP-HĐQT	04/8/2021	Thông qua phê duyệt hợp đồng kinh tế cung cấp dịch vụ thăm quan du lịch tại Đà Nẵng năm 2022 với người liên quan của Công ty là Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên VVMI	100% HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (2/2);
12	Số: 12 /BB-HĐQT	06/8/2022	1. Thông qua phê duyệt kết quả SXKD quý 2 năm 2022 và giao kế hoạch SXKD quý 3 năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	- Nội dung (1;2;3;4;5) 100 % HĐQT nhất trí thông qua

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			<p>2. Thông qua phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI giai đoạn 2025 – 2030 và giai đoạn 2020 – 2025 (sau rà soát, bổ sung).</p> <p>3. Thông qua phê duyệt Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>4. Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý về công tác An toàn – Vệ sinh lao động Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>5. Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý lao động và tiền lương Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p>	(5/5)
13	Số:13 /BBKP- HĐQT	08/9/2022	Thông qua phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình dự án đầu tư trạm cân 120 tấn - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5);
14	Số:14 /BBKP- HĐQT	22/9/2022	Thông qua phê duyệt hợp đồng cung cấp vỏ bao xi măng 6 tháng năm 2022 với người liên quan của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị -VVMI	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (4/4)
15	Số:15 /BBKP- HĐQT	18/10/2022	Thông qua phê duyệt chuyển bước từ kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức (công trình khởi công mới) đối với dự án: Đầu tư trạm cân 120 tấn - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5)
16	Số:16 /BB- HĐQT	03/11/2022	Thông qua phê duyệt kết quả SXKD quý III năm 2022 và giao kế hoạch SXKD quý IV năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5)
17	Số:17 /BBKP- HĐQT	29/11/2022	Thông qua Phê duyệt tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 bằng tiền của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5)
18	Số: 18 /BBKP-	16/12/2022	1. Thông qua phê duyệt Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công	- Nội dung (1) 100% thành viên

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
	HĐQT		<p>ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI</p> <p>2. Thông qua hợp đồng mua bán than năm 2023 với người liên quan của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là Tập đoàn Công Nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam</p> <p>3. Thông qua hợp đồng mua bán đá thải sau tuyển nước với người liên quan của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là Công ty than Khánh Hòa VVMI</p>	<p>HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5)</p> <p>- Nội dung (2;3) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (2/2)</p>
19	Số: 20 /BB- HĐQT	30/12/2022	<p>1. Thông qua phê duyệt tạm giao kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>2. Thông qua phê duyệt Hợp đồng mua bán với người có liên quan của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là Hợp tác xã Sản xuất – Dịch vụ Hoàng Thịnh Phát.</p> <p>3. Thông qua phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2022.</p> <p>4. Thông qua phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 – Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>5. Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p>	<p>- Nội dung (1) 100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5)</p> <p>- Nội dung (2) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (4/4)</p> <p>- Nội dung (3;4;5) 100% thành viên HĐQT nhất trí thông qua (5/5)</p>

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh và nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý và có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều

hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý.

Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh và giải quyết những khó khăn, tồn tại của Công ty.

Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chiến lược kinh doanh, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất xi măng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định trong điều lệ Công ty.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Công ty có thành viên HĐQT độc lập và không trực tiếp điều hành. Các thành viên này luôn thực hiện tốt vai trò trong việc giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý công ty, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và sự phân công của HĐQT

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Đến thời điểm 31/12/2022 HĐQT Công ty có 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
1	Ông. Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư cơ điện mỏ, kỹ sư quản trị DN, cử nhân tin học.
2	Ông. Trần Quang Khải	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư điện khí hóa Xí nghiệp
3	Bà. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ đào

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
			tạo quản trị công ty.
4	Ông. Hà Văn Chuyên	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư điện khí hóa
5	Ông. Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ QTKD, dịch vụ tài chính

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty. Ban kiểm soát còn có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

a. Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/

- Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh trong năm 2022 theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 đã đề ra;

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Công ty; đề từ đó nắm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của Pháp luật cũng như phương hướng của ĐHCĐ;

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều

hành. Trong năm Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế như: Quy chế Quản lý về công tác An toàn - Vệ sinh lao động, ban hành hệ thống thang lương, bảng lương trong Công ty, sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty...

- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty như Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã họp;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kê toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm 2022 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán PKF.

b. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 5 cuộc họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Lần 1, họp phân công nhiệm vụ Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

+ Lần 2, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý IV và năm 2021.

+ Lần 3, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý I năm 2022;

+ Lần 4, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý II và 6 tháng đầu năm 2022.

+ Lần 5, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý III và 9 tháng đầu năm 2022.

Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong năm 2022 như sau:

* Về công tác quản trị và điều hành Công ty:

- Hội đồng quản trị:

+ HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

+ Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

+ HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

+ HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra.

+ Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Năm 2022 HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

- Ban Điều hành:

Cùng với HĐQT, Ban điều hành có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2022 thị trường tiêu thụ xi măng có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên mức độ cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt; Song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ xi măng đã hoàn thành vượt mức với kế hoạch đề ra, đồng thời Công ty đã có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, tăng giá bán xi măng cao hơn so với kế hoạch giúp tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Tăng mức Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần

giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

Kết quả năm 2022, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 70.444,78 tr.đồng/kế hoạch 56.000 triệu đồng bằng 125,79% so với kế hoạch, cổ tức chi trả dự kiến 35% / kế hoạch 25%.

Trong năm 2022, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

*** Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty:**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi của chế độ kế toán và quy định của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng Việt Nam trong việc lập báo cáo.

Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán PKF, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính kế toán hiện tại của Công ty.

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Hệ số về khả năng thanh toán

nợ đến hạn đã được cải thiện > 1.

*** Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.

Trong năm 2022, HĐQT cùng Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

*** Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:**

Năm 2023 xung đột giữa Nga - Ukraine vẫn kéo dài, lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc gia, thời tiết diễn biến thất thường ở nhiều châu lục tạo ra những thách thức, rủi ro cho kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Nền kinh tế trong nước cũng vì thế mà tăng trưởng chậm lại. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi cũng phải đối mặt không ít khó khăn với thời tiết diễn biến phức tạp và giá cả nguyên vật liệu đầu vào vẫn tiếp tục tăng đã khiến Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2023, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Cân đối lao động để đảm bảo đủ định biên cho dây chuyền sản xuất chính. Gắn chính sách tiền lương với các chính sách quản lý: Ban hành và áp dụng quy chế tiền lương mới khuyến khích người lao động và cán bộ quản lý phát huy hết khả năng trong lao động sản xuất để tạo ra khối lượng sản phẩm với năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất cao nhất.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Cân đối, sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi, lựa chọn thời hạn cho vay tốt nhất đem lại hiệu quả kinh tế và an toàn cho nguồn tiền gửi.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

Nhằm đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và viên chức quản lý đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 12/04/2022 đã thông qua, trong năm 2022 tiền lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác cho các thành viên HĐQT, BKS và viên chức quản lý dự kiến sẽ chi trả như sau:

ĐVT: Tr.đ

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị					427,85
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT		11,14	89,11	100,245
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT			74,88	74,880
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT		9,36	74,88	98,080
4	Hà Văn Chuyên	TV HĐQT		9,36	74,88	84,240
5	Trịnh Quốc Bình	TV HĐQT		9,36	74,88	84,240
II	Ban kiểm soát					681,54
1	Phạm Trung Hợp	Trưởng BKS	470,28	58,78		529,06
2	Hoàng Thị Thúy	UV BKS		8,47	67,77	76,24
3	Trần Thu Hương	UV BKS		8,47	67,77	76,24
III	Viên chức quản lý					2.038,15
1	Trần Quang Khải	Giám đốc	510,59	63,82		574,41
2	Lê Bá Chức	Phó GD	447,88	55,99		503,87
3	Phạm Mạnh Tiến	Phó GD	447,88	55,99		503,87
4	Nguyễn Thị Thu Hoài ⁽¹⁾	Kế toán trưởng	405,33	50,67		456,00
	Tổng cộng					3.147,54

⁽¹⁾ Nguyễn Thị Thu Hoài – Kế toán trưởng – Từ ngày 01/02/2022

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

Trong năm 2022 những người có liên quan không thực hiện việc giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Trong năm Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua bán, dịch vụ với cổ đông nội bộ và các bên liên quan như sau:

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Hợp đồng mua bán vỏ bao với Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI;
- Hợp đồng mua bán đá thải với Công ty than Khánh Hòa VVMI;
- Hợp đồng dịch vụ với Trung tâm điều dưỡng ngành than VVMI – Chi nhánh Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP;
- Hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ với Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên VVMI;
- Hợp đồng cho thuê cân cấp liệu than với Công ty cổ phần xi măng Tân Quang VVMI;
- Hợp đồng mua bán xi măng, dịch vụ với HTX sản xuất - dịch vụ Hoàng Thịnh Phát.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty)

Quản trị công ty cổ phần trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một vấn đề không thể thiếu và cần được quan tâm. Ngoài việc đảm bảo sự thành công cho doanh nghiệp nó còn mang đến sự an tâm cho các nhà đầu tư. Tuy vậy, hệ thống pháp luật về quản trị công ty hiện nay ở Việt Nam còn nhiều bất cập so với các quy định và hoạt động quản trị công ty ở các quốc gia trên thế giới. Điều đó cho thấy việc hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty ở Việt Nam trong giai đoạn sắp tới là điều vô cùng cần thiết.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI luôn ý thức tuân thủ và thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật các quy định về quản trị công ty nhằm bảo vệ được quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan, cũng như đáp ứng vấn đề công khai và minh bạch thông tin trong công ty cổ phần.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Kèm theo BCTC năm 2022 được kiểm toán)

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

toán.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

GIÁM ĐỐC
Trần Quang Khải



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022**

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 45



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần, danh sách cổ đông như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	6.165.960	51,38%
Các đối tượng khác	5.834.040	48,62%
Tổng cộng	12.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Quang Khải	Ủy viên
- Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên
- Ông Trịnh Quốc Bình	Ủy viên
- Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Trần Quang Khải	Giám đốc	Từ ngày 18/05/2022 (i)
	Quyền Giám đốc	Đến ngày 17/05/2022
- Ông Lê Bá Chức	Phó Giám đốc	
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Phó Giám đốc	

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

Chức vụ:

- Ông Phạm Trung Hợp Trưởng ban
- Bà Trần Thu Hương Ủy Viên
- Bà Hoàng Thị Thúy Ủy viên

(i) Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 16/05/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC 



TRẦN QUANG KHẢI

Số: 35 /2023/BCKT-PKFVN

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập ngày 25 tháng 02 năm 2023, bao gồm Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 45 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2023-242-1

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2023-242-1

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		179.732.653.678	119.301.233.964
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	102.356.107.880	86.919.518.995
Tiền	111		7.356.107.880	26.919.518.995
Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	40.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.485.755.107	8.432.444.894
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	7.825.147.833	6.966.908.161
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		68.485.940	255.888.163
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.749.461.334	1.348.178.570
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(157.340.000)	(138.530.000)
Hàng tồn kho	140	5.6	26.786.291.654	13.550.244.462
Hàng tồn kho	141		26.786.291.654	13.550.244.462
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		104.499.037	399.025.613
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	104.499.037	107.749.798
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	-	291.275.815
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		139.505.501.797	188.222.731.923
Các khoản phải thu dài hạn	210		520.666.186	484.534.717
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	520.666.186	484.534.717
Tài sản cố định	220		124.979.915.789	167.085.255.643
TSCĐ hữu hình	221	5.8	124.979.915.789	167.085.255.643
- Nguyên giá	222		957.681.955.337	950.375.720.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(832.702.039.548)	(783.290.464.509)
TSCĐ vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		1.632.274.438	1.632.274.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Tài sản dở dang dài hạn	240		251.103.085	162.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	251.103.085	162.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		13.753.816.737	20.490.941.563
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	13.753.816.737	20.490.941.563
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		319.238.155.475	307.523.965.887

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		115.981.695.814	103.620.659.561
Nợ ngắn hạn	310		110.461.029.628	95.636.124.844
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	50.408.416.887	37.445.299.256
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		376.221.676	394.542.979
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.583.242.590	7.362.023.139
Phải trả người lao động	314		35.598.463.361	38.615.028.999
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	825.489.516	3.303.122.581
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.844.616.611	2.506.163.583
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	2.500.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.324.578.987	6.009.944.307
Nợ dài hạn	330		5.520.666.186	7.984.534.717
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	5.000.000.000	7.500.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		520.666.186	484.534.717
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.256.459.661	203.903.306.326
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	203.256.459.661	203.903.306.326
Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	418		41.157.145.436	32.114.635.437
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.634.838.069	51.324.194.733
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	8.836.051.880
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.634.838.069	42.488.142.853
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		319.238.155.475	307.523.965.887

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HÀNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMİ

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	811.808.649.177	733.785.505.193
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		811.808.649.177	733.785.505.193
Giá vốn hàng bán	11	6.2	688.467.446.777	620.235.279.233
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.341.202.400	113.550.225.960
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.077.378.729	249.605.666
Chi phí tài chính	22	6.4	300.115.061	1.295.168.695
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		194.999.993	1.190.053.627
Chi phí bán hàng	25	6.7	16.315.907.827	13.099.398.192
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	38.511.722.246	31.016.212.224
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.290.835.995	68.389.052.515
Thu nhập khác	31	6.5	239.588.063	586.547.640
Chi phí khác	32	6.6	1.085.645.178	592.225.271
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(846.057.115)	(5.677.631)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.444.778.880	68.383.374.884
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	14.409.940.811	13.895.232.031
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		56.034.838.069	54.488.142.853
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	4.670	4.541

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		70.444.778.880	68.383.374.884
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		49.411.575.039	52.102.319.608
Các khoản dự phòng	03		54.941.469	(650.968.872)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.077.378.729)	(249.605.666)
Chi phí lãi vay	06		194.999.993	1.190.053.627
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		117.028.916.652	120.775.173.581
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.806.612.060)	9.363.168.060
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.236.047.192)	8.833.695.245
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		3.466.400.061	16.619.918.801
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.740.375.587	775.772.539
Tiền lãi vay đã trả	14		(194.999.993)	(2.194.499.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.895.232.031)	(17.559.137.888)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		145.240.000	43.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.112.290.054)	(10.494.039.757)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.135.750.970	126.163.051.536
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.451.355.332)	(9.471.250.649)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.067.014.922	239.983.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.384.340.410)	(19.231.267.055)
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	-	27.509.042.540
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	-	(51.386.637.096)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.314.821.675)	(29.998.556.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.314.821.675)	(53.876.150.556)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		86.919.518.995	33.863.885.070
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		102.356.107.880	86.919.518.995

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31/12/2022, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 542 người, trong đó số nhân viên quản lý là 35 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2022, việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu chính Bình quân theo tháng
- Các hàng tồn kho còn lại Phương pháp bình quân di động

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của bán thành phẩm tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 25 năm
- Máy móc, trang thiết bị 05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 năm

Trong năm 2022, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng khấu hao nhanh với hệ số là 2 cho các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị, dụng cụ quản lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Tài sản cố định khác 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, phí bảo hiểm, phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, chi phí tiền điện và chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.13 Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và thay đổi lần thứ 5 ngày 04/12/2021.

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp đủ vốn cổ phần vào Công ty theo tổng số vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, tỷ lệ thực góp là 100%.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.16 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10% (Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022 áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2022	01/01/2022
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	334.430.667	143.568.354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	7.021.677.213	26.775.950.641
Các khoản tương đương tiền	(iii)	95.000.000.000	60.000.000.000
Cộng		102.356.107.880	86.919.518.995

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		334.430.667
Cộng		334.430.667

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		7.021.677.213
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.137.847.967
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		3.977.574.619
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		662.677.634
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.235.038.366
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		8.538.627
Cộng		7.021.677.213

(iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2022 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng thời hạn không quá 03 tháng:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		95.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		30.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		65.000.000.000
Cộng		95.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
a. Ngắn hạn	40.000.000.000	10.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (*)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên (**)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>-</i>
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>40.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

(*) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 220/2022/28576 ngày 31/08/2022, số tiền 10.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5%/năm, cố định trong suốt kỳ hạn gửi tiền.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 220/2021/46898 ngày 01/12/2021, số tiền 10.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 3,9%/năm, cố định trong suốt kỳ hạn gửi tiền.

(**) Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 52510.22090.848058.TGNH ngày 30/12/2022, số tiền 20.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 8,5%/năm, cố định trong suốt kỳ hạn gửi tiền.

5.3. Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	7.825.147.833	6.966.908.161
Ủy ban nhân dân xã Cúc Đường	416.582.500	1.041.480.000
Ủy ban nhân dân xã Phú Thượng	351.812.000	665.016.000
Ủy ban nhân dân xã Phương Giao	987.715.000	706.200.000
Ủy ban nhân dân xã Liên Minh	1.046.022.500	646.800.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.023.015.833	3.907.412.161
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>7.825.147.833</u>	<u>6.966.908.161</u>

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết tại Phụ lục số 02

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.4. Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.749.461.334	-	1.348.178.570	-
Phải thu người lao động	963.563.817	-	719.570.390	-
Ký quỹ, ký cược	227.610.000	-	431.640.000	-
Các khoản khác	1.558.287.517	-	196.968.180	-
b. Dài hạn	520.666.186	-	484.534.717	-
Ký quỹ, ký cược	520.666.186	-	484.534.717	-
Cộng	3.270.127.520	-	1.832.713.287	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.5. Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	176.150.000	18.810.000	138.530.000	-
- Dưới 1 năm	-	-	-	-
- Từ 1 đến dưới 2 năm	37.620.000	18.810.000	-	-
<i>Hộ kinh doanh cá thể Lê Văn Cường</i>	37.620.000	18.810.000	-	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	-	-	-	-
- Từ 3 năm trở lên	138.530.000	-	138.530.000	-
<i>Công ty TNHH Yên Lạc - Bắc Kạn</i>	66.780.000	-	66.780.000	-
<i>Phòng tài chính Huyện Phổ Yên</i>	71.750.000	-	71.750.000	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.371.906.733	-	3.569.016.775	-
Công cụ, dụng cụ	27.555.537	-	5.101.068	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.386.829.384	-	9.976.126.619	-
Cộng	26.786.291.654	-	13.550.244.462	-

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	251.103.085	162.000.000
<i>Thiết kế bản vẽ thi công mỏ sét Cúc Đường</i>	162.000.000	162.000.000
<i>Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn</i>	89.103.085	-
- Sửa chữa lớn	-	-
Cộng	251.103.085	162.000.000

TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	325.458.628.458	490.840.729.684	87.484.896.048	46.591.465.962	950.375.720.152
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	7.306.235.185	-	-	7.306.235.185
- Điều chuyển nhóm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	325.458.628.458	498.146.964.869	87.484.896.048	46.591.465.962	957.681.955.337
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	217.881.092.784	444.372.981.490	80.538.005.020	40.498.385.215	783.290.464.509
- Khấu hao trong năm	10.299.865.958	28.891.690.665	4.886.523.512	5.333.494.904	49.411.575.039
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nhóm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	228.180.958.742	473.264.672.155	85.424.528.532	45.831.880.119	832.702.039.548
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	107.577.535.674	46.467.748.194	6.946.891.028	6.093.080.747	167.085.255.643
Tại ngày cuối năm	97.277.669.716	24.882.292.714	2.060.367.516	759.585.843	124.979.915.789
Trong đó: - Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay					-
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					435.227.545.303
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý					-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9. Tài sản cố định vô hình

	TSCĐVH khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.632.274.438	1.632.274.438
Số dư cuối năm	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	1.632.274.438	1.632.274.438
Số dư cuối năm	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:		-
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		1.632.274.438

5.10. Chi phí trả trước

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Ngắn hạn	104.499.037	107.749.798
Bảo hiểm ô tô	104.499.037	107.749.798
b. Dài hạn	13.753.816.737	20.490.941.563
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	660.730.207	6.497.407.528
Phí sử dụng tài liệu	1.068.777.261	1.143.651.009
Phí bảo lãnh hợp đồng vay vốn	210.230.138	315.345.206
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	11.814.079.131	12.534.537.820
Cộng	13.858.315.774	20.598.691.361

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2022 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
b. Gốc vay dài hạn	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	-
Từ 1 năm đến 5 năm	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	-
<i>Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên (*)</i>	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	-
Cộng	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	-

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD-QBVMT ngày 15/08/2019 ký giữa Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI với hạn mức 7.500.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để đầu tư mới hệ thống quan trắc khí thải cho 08 ống khói của 02 dây chuyền sản xuất xi măng và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất cố định trong suốt thời hạn vay 2,6%/năm. Hình thức đảm bảo bằng bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	01/01/2022 (VND)		31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	-	-	-	-
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	7.500.000.000	7.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

5.12. Phải trả người bán

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	50.408.416.887	50.408.416.887	37.445.299.256	37.445.299.256
Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà	1.816.100.000	1.816.100.000	5.390.000.000	5.390.000.000
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bắc Thái	4.870.163.528	4.870.163.528	4.203.149.296	4.203.149.296
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	1.486.596.400	1.486.596.400	3.670.590.000	3.670.590.000
Công ty TNHH Vân Long	1.584.266.200	1.584.266.200	2.810.959.150	2.810.959.150
Công ty TNHH Bình Dương	583.701.520	583.701.520	2.025.640.730	2.025.640.730
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng dân dụng Công nghiệp Hà Nội	195.955.620	195.955.620	1.973.769.749	1.973.769.749
Công ty CP Đá ốp lát và Vật liệu xây dựng	143.686.690	143.686.690	1.476.162.360	1.476.162.360
Công ty TNHH Kim khí Thanh An	1.225.479.530	1.225.479.530	907.434.320	907.434.320
Công ty CP xuất nhập khẩu thiết bị và Công nghệ	8.536.556.600	8.536.556.600	-	-
Công ty Điện lực Thái nguyên	3.599.536.635	3.599.536.635	-	-
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Quốc tế	3.544.878.000	3.544.878.000	40.000.000	40.000.000
Các nhà cung cấp khác	22.821.496.164	22.821.496.164	14.947.593.651	14.947.593.651
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	50.408.416.887	50.408.416.887	37.445.299.256	37.445.299.256

c. Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết tại phụ lục số 02

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

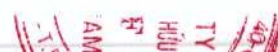
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>01/01/2022</u> <u>(VND)</u>	<u>Số phải nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>Số đã nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>31/12/2022</u> <u>(VND)</u>
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.330.256.038	17.233.951.805	18.014.238.719	2.549.969.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.895.232.031	14.409.940.811	14.895.232.031	2.409.940.811
Thuế thu nhập cá nhân	344.537.205	2.058.778.701	1.573.977.799	829.338.107
Thuế tài nguyên	603.737.564	5.784.083.552	5.022.369.119	1.365.451.997
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.208.294.563	1.208.294.563	-
Quyền khai thác khoáng sản	-	2.687.876.000	2.687.876.000	-
Phí bảo vệ môi trường	188.260.301	1.819.589.811	1.579.307.561	428.542.551
Phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.101.071.301	1.101.071.301	-
Cộng	<u>7.362.023.139</u>	<u>46.306.586.544</u>	<u>46.085.367.093</u>	<u>7.583.242.590</u>
b. Phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	291.275.815	291.275.815	-	-
Cộng	<u>291.275.815</u>	<u>291.275.815</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.14. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	825.489.516	3.303.122.581
Chi phí điện năng tiêu thụ	-	2.403.336.164
Các khoản khác	825.489.516	899.786.417
b. Dài hạn	-	-
Cộng	825.489.516	3.303.122.581

5.15. Phải trả khác

	<u>31/12/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	1.844.616.611	2.506.163.583
Cổ tức trả cổ đông	507.613.250	460.303.250
Các khoản khác	1.337.003.361	2.045.860.333
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.844.616.611	2.506.163.583

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	36.314.287.217	188.893.398.810
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	54.488.142.853	54.488.142.853
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(39.478.235.337)	(39.478.235.337)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	120.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	51.324.194.733	203.903.306.326
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	56.034.838.069	56.034.838.069
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	9.042.509.999	(65.724.194.733)	(56.681.684.734)
Số dư cuối năm	120.000.000.000	464.476.156	41.157.145.436	41.634.838.069	203.256.459.661

(*) Tổng lợi nhuận phân phối trong năm 2022 là 65.724.194.733 đồng, trong đó:

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-ĐHĐCĐ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI ngày 12/04/2021 thực hiện trả cổ tức 42.000.000.000 đồng (trong đó đã tạm ứng 12.000.000.000 đồng trong năm 2021 và chi bổ sung 30.000.000.000 đồng trong năm 2022), trích quỹ khen thưởng phúc lợi 12.281.684.734 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 9.042.509.999 đồng.
- Theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐQT ngày 29/11/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI về việc thông qua phê duyệt tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 theo tỷ lệ thực hiện là 12%/Vốn điều lệ tương đương với 14.400.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	61.659.600.000	61.659.600.000
Vốn góp của đối tượng khác	58.340.400.000	58.340.400.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.400.000.000	42.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	41.157.145.436	32.114.635.437

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán hàng	810.992.703.492	731.076.712.004
Doanh thu cung cấp dịch vụ	815.945.685	2.708.793.189
Cộng	811.808.649.177	733.785.505.193

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	688.129.187.256	618.952.865.423
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	338.259.521	1.291.990.515
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(9.576.705)
Cộng	688.467.446.777	620.235.279.233

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi	3.067.014.922	239.983.594
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.363.807	9.622.072
Cộng	3.077.378.729	249.605.666

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Lãi tiền vay	194.999.993	1.190.053.627
Chi phí tài chính khác	105.115.068	105.115.068
Cộng	300.115.061	1.295.168.695

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Các khoản khác	239.588.063	586.547.640
Cộng	239.588.063	586.547.640

6.6 Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Truy thu thuế, tiền chậm nộp	1.085.645.178	358.340.230
Tiền phạt thuế	-	144.885.041
Các khoản khác	-	89.000.000
Cộng	1.085.645.178	592.225.271

6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.511.722.246	31.693.378.124
Chi phí nhân viên	22.988.451.600	20.669.388.000
Chi phí vật liệu	991.278.899	1.414.676.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.230.649.100	1.173.553.128
Chi phí khác bằng tiền	13.301.342.647	8.435.760.944
b. Chi phí bán hàng	16.315.907.827	13.099.398.192
Chi phí nhân viên	6.120.580.000	6.591.517.925
Chi phí vật liệu	4.110.909.581	3.091.957.969
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.585.799	27.585.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.521.958.869	987.174.812
Chi phí khác bằng tiền	4.534.873.578	2.401.161.687
c. Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(677.165.900)
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	(677.165.900)
Cộng	54.827.630.073	44.115.610.416

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	510.276.937.889	440.958.482.239
Chi phí nhân công	108.006.732.680	106.343.744.119
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.411.575.039	52.102.319.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.348.083.184	37.989.386.408
Chi phí khác bằng tiền	32.937.136.884	24.645.919.994
Cộng	758.980.465.676	662.039.852.368

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.444.778.880	68.383.374.884
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	1.604.925.178	1.092.785.271
<i>Chậm nộp thuế</i>	<i>1.085.645.178</i>	-
<i>Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>449.280.000</i>	<i>430.560.000</i>
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>70.000.000</i>	<i>662.225.271</i>
- Thu nhập chịu thuế	72.049.704.058	69.476.160.155
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	72.049.704.058	69.476.160.155
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.409.940.811	13.895.232.031
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.409.940.811	13.895.232.031

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2022</u> (VND)	<u>Năm 2021</u> (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	56.034.838.069	54.488.142.853
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	56.034.838.069	54.488.142.853
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.670	4.541

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 0 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 0 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch vay, trả nợ gốc vay, mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2022			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.356.107.880	-	102.356.107.880
Phải thu khách hàng	7.825.147.833	-	7.825.147.833
Đầu tư	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải thu khác	2.749.461.334	520.666.186	3.270.127.520
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(157.340.000)	-	(157.340.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	152.773.377.047	520.666.186	153.294.043.233
Ngày 31/12/2022			
Các khoản vay và nợ	2.500.000.000	5.000.000.000	7.500.000.000
Phải trả người bán	50.408.416.887	-	50.408.416.887
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	2.670.106.127	-	2.670.106.127
Tổng cộng	55.578.523.014	5.000.000.000	60.578.523.014
Chênh lệch thanh khoản thuần	97.194.854.033	(4.479.333.814)	92.715.520.219

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
 Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 01/01/2022			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.919.518.995	-	86.919.518.995
Phải thu khách hàng	6.966.908.161	-	6.966.908.161
Đầu tư	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khác	1.348.178.570	484.534.717	1.832.713.287
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(138.530.000)	-	(138.530.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	105.096.075.726	484.534.717	105.580.610.443
Ngày 01/01/2022			
Các khoản vay và nợ	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải trả người bán	37.445.299.256	-	37.445.299.256
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	5.809.286.164	-	5.809.286.164
Tổng cộng	43.254.585.420	7.500.000.000	50.754.585.420
Chênh lệch thanh khoản thuần	61.841.490.306	(7.015.465.283)	54.826.025.023

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	10.000.000.000	40.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	7.825.147.833	6.966.908.161	7.667.807.833	6.828.378.161
<i>Các khoản phải thu khác</i>	3.270.127.520	1.832.713.287	3.270.127.520	1.832.713.287
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	102.356.107.880	86.919.518.995	102.356.107.880	86.919.518.995
Tổng cộng	193.451.383.233	105.719.140.443	153.294.043.233	105.580.610.443
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
<i>Phải trả người bán</i>	50.408.416.887	37.445.299.256	50.408.416.887	37.445.299.256
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	2.670.106.127	5.809.286.164	2.670.106.127	5.809.286.164
Tổng cộng	60.578.523.014	50.754.585.420	60.578.523.014	50.754.585.420

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker (chiếm 99,90% tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm tài chính), do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện tại các phụ lục đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục số 01: Bảng kê giao dịch mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan
- Phụ lục số 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

	Năm 2022 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	2.038.151.252
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	427.845.600
Thù lao, lương và thưởng của Ban Kiểm soát	681.537.148
Tổng cộng	3.147.534.000

8.4 Những sự kiện phát sinh sau lên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

BẢNG KÊ GIAO DỊCH MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
A	Tổng mua	236.618.288.206
1	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	45.670.879.800
	Vỏ bao	45.670.879.800
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	4.924.100.040
	Vật tư, vật liệu nổ	71.912.500
	Dịch vụ vận chuyển vật liệu nổ, nổ mìn	4.852.187.540
3	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	974.582.580
	Vật tư, dầu mỡ nhờn	974.582.580
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	1.043.870.000
	Vật tư	1.043.020.000
	Dịch vụ sửa chữa	850.000
5	Công ty Than Khánh Hoà - VVMI	3.848.209.365
	Đá thải	3.848.209.365
6	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	27.075.600
	Dịch vụ cho thuê hội trường, ăn uống	27.075.600
7	Trường cao đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam	211.683.000
	Dịch vụ đào tạo	211.683.000
8	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	350.440.084
	Phí quản lý mỏ	350.440.084
9	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên VVMI	2.270.370.742
	Dịch vụ tham quan, nghỉ mát, cho thuê hội trường, phòng nghỉ, ăn uống	2.270.370.742
11	Trường Quản trị Kinh Doanh - Vinacomin	66.027.000
	Dịch vụ đào tạo	66.027.000
12	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	176.254.336.910
	Than cám	176.254.336.910
13	Công ty CP Cơ Khí & Thiết Bị áp Lực - VVMI	17.040.000
	Vật tư	17.040.000
14	Trung tâm Điều Dưỡng Ngành Than - VVMI	874.720.000
	Dịch vụ	874.720.000
15	Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	84.953.085
	Dịch vụ tư vấn	84.953.085

BẢNG KÊ GIAO DỊCH MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
B	Tổng bán	67.408.178
1	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	60.000.000
	Dịch vụ	60.000.000
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	7.408.178
	Dịch vụ	7.408.178

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THU HOÀI

GIÁM ĐỐC



TRẦN QUANG KHẢI

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ			
		131	138	331	338
A	PHẢI THU	-	-	-	-
I	NGẮN HẠN	-	-	-	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-
B	PHẢI TRẢ	-	-	3.141.533.236	-
I	NGẮN HẠN	-	-	3.141.533.236	-
1	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	-	1.486.596.400	-
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	-	-	1.335.523.417	-
3	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	-	-	279.812.819	-
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	39.600.600	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2023

GIÁM ĐỐC



TRẦN QUANG KHÀI